

MỤC LỤC

- | | | |
|----|-------------------------------------|------|
| 1. | Báo cáo của Ban Giám đốc | 1-4 |
| 2. | Báo cáo Kiểm toán | 5-8 |
| 3. | Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | 9-12 |

1.1.	Bảng cân đối kế toán	7-8
1.2.	Bảng báo kết quả hoạt động kinh doanh	9
1.3.	Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
1.4.	Bảng báo cáo vốn chủ sở hữu	11
1.5.	Bảng báo cáo chi phí tài chính	12

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP - MÔI TRƯỜNG NHÂN CƠ - TKV

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2014
và kết thúc vào ngày 31/12/2014

SÀO Y BẢN CHÍNH
Ngày 02 tháng 09 năm 2016



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trình Quốc Sơn

M.S.C.N.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP - MÔI TRƯỜNG NHÂN CƠ - TKV**

Địa chỉ: Xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014

được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2014 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

10. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đăk Nông, ngày 30 tháng 03 năm 2015

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC



Nguyễn Phú Dương

Ý kiến của kiểm toán viên

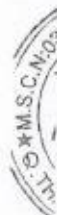
Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH MTV Xây lắp - Môi trường Nhân Cơ - TKV, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam



Đỗ Thị Ánh Tuyết
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0079-2013-009-1

Nguyễn Hồng Quang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0576-2013-009-1



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP - MÔI TRƯỜNG NHÂN CƠ - TKV

Địa chỉ: Xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		293.044.775.039
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	82.636.170.971
Tiền	111		2.636.170.971
Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-
Đầu tư ngắn hạn	121		-
Dự phòng đầu tư ngắn hạn	129		-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.469.219.491
Phải thu khách hàng	131		-
Trả trước cho người bán	132		8.308.248.702
Các khoản phải thu khác	135	5.2	160.970.789
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-
Hàng tồn kho	140	5.3	191.456.276.962
Hàng tồn kho	141		191.456.276.962
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.483.107.615
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		325.754.898
Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.813.192.583
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-
Tài sản ngắn hạn khác	158		344.160.134
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		54.005.983.957
Các khoản phải thu dài hạn	210		-
Tài sản cố định	220		53.462.546.819
TSCĐ hữu hình	221	5.4	50.653.674.588
- Nguyên giá	222		117.052.624.919
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(66.398.950.331)
TSCĐ vô hình	227		-
- Nguyên giá	228		-
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		-
Chi phí XD CB dở dang	230	5.5	2.808.872.231
Bất động sản đầu tư	240		-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-
Tài sản dài hạn khác	260		543.437.138
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	543.437.138
Tài sản dài hạn khác	268		-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		347.050.758.996

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP - MÔI TRƯỜNG NHÂN CƠ - TKV

Địa chỉ: Xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014
NỢ PHẢI TRẢ	300		293.372.186.198
Nợ ngắn hạn	310		293.372.186.198
Vay và nợ ngắn hạn	311		-
Phải trả người bán	312		54.216.335.617
Người mua trả tiền trước	313		203.710.314.656
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.7	416.859.818
Phải trả người lao động	315		7.067.777.693
Chi phí phải trả	316		-
Phải trả nội bộ	317		25.928.013.425
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.8	89.812.950
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.943.072.039
Nợ dài hạn	320		-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		53.678.572.798
Vốn chủ sở hữu	410	5.9	50.000.000.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-
Cổ phiếu ngân quỹ	414		-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-
Quỹ dự phòng tài chính	418		-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3.678.572.798
Nguồn kinh phí	432		-
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		3.678.572.798
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		347.050.758.996

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP - MÔI TRƯỜNG NHÂN CƠ - TKV

Địa chỉ: Xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	02	6.1	80.397.074.900
Các khoản giảm trừ		6.2	18.010.000
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10	6.3	80.379.064.900
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	75.539.660.052
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.839.404.848
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	1.033.746.681
Chi phí tài chính	22		-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-
Chi phí bán hàng	24		-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.024.569.485
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.848.582.044
Thu nhập khác	31		29.380.540
Chi phí khác	32		-
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		29.380.540
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.877.962.584
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	413.151.768
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1.464.810.816

Đăk Nông, ngày 30 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG




Lê Thị Hiền

Trịnh Quốc Sơn



Nguyễn Phú Dương

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP - MÔI TRƯỜNG NHÂN CƠ - TKV

Địa chỉ: Xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014

Nội dung	Mã số	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH		
Lợi nhuận trước thuế	01	1.877.962.584
Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao tài sản cố định	02	3.060.710.894
Các khoản dự phòng	03	(65.422.776)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.033.746.681)
Chi phí lãi vay	06	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.839.504.021
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	34.230.180.794
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(88.595.807.039)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	80.862.492.345
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	10.565.320
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(285.850.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	30.061.085.441
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(1.860.130.318)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	906.246.681
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(953.883.637)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	29.107.201.804
Nhận bàn giao từ Công ty Nhà nước	60	53.528.969.167
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	82.636.170.971

Đăk Nông, ngày 30 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Hiền

Trịnh Quốc Sơn



Nguyễn Phú Dương

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẮP - MÔI TRƯỜNG NHÂN CƠ - TKV

Địa chỉ: xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH MTV Xây lắp - Môi trường Nhân Cơ - TKV (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 2077/QĐ-TKV ngày 22 tháng 09 năm 2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam Về việc thành lập Công ty TNHH MTV Xây lắp - Môi trường Nhân Cơ, do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty Xây lắp - Môi trường Nhân Cơ - Vinacomin.

Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đăk Nông cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400308865 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2014. Theo đó, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác đá, sỏi, cát, đất sét;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Xây dựng các công trình mỏ, thủy lợi, kết cấu hạ tầng, đường dây và trạm điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước, đo đạc bản đồ (trừ thăm dò địa chất các công trình xây dựng);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại – Gia công cơ khí;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Hoàn nguyên môi trường (Công ty chỉ được phép kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện đã cấp ở trên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014

Công ty có trụ sở tại xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 286 người, trong đó số cán bộ quản lý là 23 người.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đặc thù áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HDQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CDKT ngày 20/12/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính đầu tiên của Công ty TNHH MTV Xây lập - Môi trường Nhân Cơ - TKV bắt đầu từ ngày 01/10/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2014 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Vào thời điểm cuối năm tài chính, số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ là Đô la Mỹ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của các Ngân hàng thương mại tại Công văn hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam số 06/TKV-KT ngày 05/01/2015 là 21.380 VND/USD.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẮP - MÔI TRƯỜNG NHÂN CƠ - TKV

Địa chỉ: Xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ không phải là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Giá trị nguyên vật liệu CCDC, hàng hóa.	Giá thực tế đích danh
- Chi phí SXKD dở dang	Được xác định dựa trên khối lượng thi công chưa được chủ đầu tư nghiệm thu và đơn giá dự toán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014

4.6. Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào vốn hóa giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 2 năm kể từ khi phát sinh.

4.8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.9. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014

- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.10. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.11. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu thuế Giá trị gia tăng theo các mức thuế suất sau:

- | | |
|--|-----|
| - Doanh thu dịch vụ khai thác quặng mức thuế suất: | 10% |
| - Doanh thu xây dựng công trình mức thuế suất: | 10% |
| - Khác: | 10% |

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 22%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.12. Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP - MÔI TRƯỜNG NHÂN CƠ - TKV

Địa chỉ: Xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2014
		(VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	518.390.989
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	2.117.779.982
Các khoản tương đương tiền	(iii)	80.000.000.000
Cộng		82.636.170.971
 (i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2014 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		518.390.989
Đồng ngoại tệ		-
Cộng		518.390.989
 (ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2014 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		2.117.779.982
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>		2.104.533.797
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN</i>		13.246.185
Cộng		2.117.779.982
 (iii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2014 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		80.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>		80.000.000.000
Cộng		80.000.000.000

5.2. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014
	(VND)
Phải thu người lao động	6.638.072
Phải thu BHXH	26.832.717
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	127.500.000
Cộng	160.970.789

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP - MÔI TRƯỜNG NHÂN CƠ - TKV

Địa chỉ: Xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014

5.3. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2014</u> <u>(VND)</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3.264.383.075
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	<u>188.191.893.887</u>
Cộng	<u>191.456.276.962</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOANG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP - MÔI TRƯỜNG NHÂN CƠ - TKV
 Địa chỉ: Xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014

5.4. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
- Nhận bàn giao từ Công ty NN	5.671.031.301	58.735.889.851	48.489.242.921	293.590.906	-	113.189.754.979
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	23.578.161	-	781.034	-	24.359.195
- Tăng khác	3.838.510.745	-	-	-	-	3.838.510.745
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	9.509.542.046	58.759.468.012	48.489.242.921	294.371.940	-	117.052.624.919
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
- Nhận bàn giao từ Công ty NN	2.161.042.330	30.097.745.261	30.672.172.990	247.340.909	-	63.178.301.490
- Khấu hao trong năm	141.775.782	1.578.386.589	1.330.343.966	10.204.557	-	3.060.710.894
- Tính hao mòn	159.937.947	-	-	-	-	159.937.947
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.462.756.059	31.676.131.850	32.002.516.956	257.545.466	-	66.398.950.331
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	7.046.785.987	27.083.336.162	16.486.725.965	36.826.474	-	50.653.674.588
NG TSCĐ hết KH còn sử dụng	-	-	-	-	-	139.500.000

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP - MÔI TRƯỜNG NHÂN CƠ - TKV

Địa chỉ: Xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014

5.5 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>31/12/2014</u> (VND)
Công trình xây dựng nhà xưởng sửa chữa	2.808.872.231
Cộng	<u>2.808.872.231</u>

5.6 Chi phí trả trước dài hạn

	<u>31/12/2014</u> (VND)
Chi phí SCL tài sản cố định	81.367.388
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	457.404.324
Phí đăng kiểm đường bộ	4.665.426
Cộng	<u>543.437.138</u>

5.7 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2014</u> (VND)
Thuế TNDN	413.151.768
Thuế thu nhập cá nhân	3.708.050
Cộng	<u>416.859.818</u>

5.8 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2014</u> (VND)
Kinh phí công đoàn	77.012.950
Phải trả khác	12.800.000
Cộng	<u>89.812.950</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP - MÔI TRƯỜNG NHÂN CƠ - TKV
 Địa chỉ: Xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014

5.9 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ SH		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nhận bàn giao từ Công ty NN	50.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	50.000.000.000
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	1.464.810.876	-	-	1.464.810.876
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.464.810.876)	-	-	(1.464.810.876)
Số dư cuối năm	50.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	50.000.000.000

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP - MÔI TRƯỜNG NHÂN CƠ - TKV
Địa chỉ: Xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2014</u> <u>(VND)</u>
Vốn góp của Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	50.000.000.000
Cộng	<u>50.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>80.397.074.900</u>
Doanh thu xây lắp	58.989.602.278
Doanh thu dịch vụ khai thác mỏ	21.407.472.622
Doanh thu khác	-

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	<u>18.010.000</u>
Giảm giá hàng bán	18.010.000
Hàng bán bị trả lại	-

6.3. Doanh thu thuần

	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>80.379.064.900</u>
Doanh thu xây lắp	58.971.591.278
Doanh thu dịch vụ khai thác mỏ	21.407.472.622
Doanh thu khác	-

6.4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Giá vốn xây lắp	55.043.900.811
Giá vốn khai mỏ	20.495.759.241
Giá vốn khác	-
Cộng	<u>75.539.660.052</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP - MÔI TRƯỜNG NHÂN CƠ - TKV
 Địa chỉ: Xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014

6.5. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014 (VND)</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.033.746.681
Cộng	<u>1.033.746.681</u>

6.6. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	<u>Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014 (VND)</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	413.151.768
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.877.962.584
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.877.962.584
Thu nhập tính thuế	1.877.962.584
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>413.151.768</u>
Cộng	<u>413.151.768</u>

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014 (VND)</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.678.974.706
Chi phí nhân công	10.951.580.047
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.060.710.894
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.000.201.777
Chi phí khác bằng tiền	<u>7.256.747.812</u>
Cộng	<u>168.948.215.236</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP - MÔI TRƯỜNG NHÂN CƠ - TKV

Địa chỉ: Xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Thông tin về các bên có liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2014 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn được nhận biết là các bên có liên quan của Công ty.

Số dư tại ngày 31/12/2014 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01 - Vinacomin: Báo cáo doanh thu nội bộ trong Tập đoàn Vinacomin;
- Phụ biểu 02: Báo cáo hàng hóa, vật tư, dịch vụ mua nội bộ Tập đoàn Vinacomin;
- Phụ biểu 18: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn;

7.2. Những sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Thực hiện quyết định số 2611/QĐ-TKV ngày 09/12/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc cổ phần hoá Công ty TNHH MTV xây lắp Môi trường Nhân Cơ - TKV, Công ty TNHH MTV Xây lắp - Môi Trường Nhân Cơ - TKV đã thành lập tổ giúp việc để triển khai thực hiện các công việc liên quan. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang thực hiện các thủ tục để cổ phần hóa theo kế hoạch.

7.3. Sự kiện bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.4. Thông tin so sánh

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014 là năm tài chính đầu tiên của Công ty TNHH MTV Xây lắp - Môi trường Nhân Cơ - TKV nên không có số liệu so sánh.

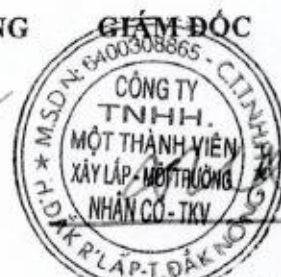
Đắk Nông, ngày 30 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Hiền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trịnh Quốc Sơn



Nguyễn Phú Dương

BẢNG KẾ DOANH THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014

STT	Đơn vị mua		Đơn vị		Doanh thu		Giá trị (VND)		Giá vốn	
	A	B	C	1	2	3	4	5	6	
		TỔNG CỘNG								
1	Ban QLDA Tổ hợp Bauxit - Nhóm Lâm Đồng Doanh thu xây lắp					80.379.064.900				75.539.660.052
2	Công ty TNHH MTV Nhóm Lâm Đồng - Vinacomin Doanh thu khai thác quặng					11.313.289.716				8.768.249.654
3	Ban QLDA nhà máy Alumina Nhân Cơ - Vinacomin Doanh thu xây lắp					11.313.289.716				8.768.249.654
						21.407.472.622				20.495.759.241
						21.407.472.622				20.495.759.241
						47.658.302.562				46.275.651.157
						47.658.302.562				46.275.651.157

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Hiền

Lê Thị Hiền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trịnh Quốc Sơn

Trịnh Quốc Sơn



Đắk Nông, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Phú Dương

Nguyễn Phú Dương

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP - MÔI TRƯỜNG NHÂN CƠ - TKV

Phụ biểu 02

Địa chỉ: Xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

BẢNG KÊ VẬT TƯ HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014

TT	Mã KH	Tên đơn vị bán	Đơn vị tính		Mua trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			Số lượng	Đơn giá	Số lượng	Đơn giá	Số lượng	Đơn giá
A	B	C	1	2	3	4	5	6
1	Công ty CP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin Vật tư				6.829.157.000			
2	Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin Dịch vụ				6.829.157.000			
3	Công ty TNHH MTV Nhóm Lâm Đồng - Vinacomin Dịch vụ				1.505.969.000			
4	Công ty CP Du lịch và Thương mại - Vinacomin Vật tư				1.505.969.000			
5	CN Công ty TNHH MTV Môi trường - Vinacomin- Xi nghiệp chế tạo thiết bị, lắp máy và điện Vật tư				50.106.750			
6	Trường Quản Trị Kinh Doanh- Vinacomin - 56011 Dịch vụ				50.106.750			
					544.000.000			
					544.000.000			
					3.750.921.423			
					3.750.921.423			
					2.424.000			
					2.424.000			
					12.682.578.173			

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Hiền

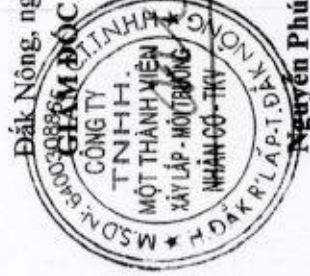
Lê Thị Hiền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trịnh Quốc Sơn

Trịnh Quốc Sơn

Đăk Nông, ngày 30 tháng 03 năm 2015



Nguyễn Phú Dương

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ			Tổng cộng
		131	331	336	
A	B	1	2	3	4
A	NỢ PHẢI THU				
I	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN	-	-	-	-
1	Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - Vinacomin	-	-	-	-
II	CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN	-	-	-	-
	CỘNG	-	-	-	-
B	NỢ PHẢI TRẢ				
I	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN	203.710.314.656	5.628.527.032	25.928.013.425	235.266.855.113
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	-	25.928.013.425	25.928.013.425
2	Ban QLDA tổ hợp Bauxit Nhôm Lâm Đồng	74.511.147.740	-	-	74.511.147.740
3	BQL dự án Nhà máy Alumina Nhân Cơ - Vinacomin	129.199.166.916	-	-	129.199.166.916
4	Chi nhánh công ty CP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	-	710.050.000	-	710.050.000
5	CN Cty TNHH ITV Môi trường - Vinacomin- Xí nghiệp chế tạo thiết bị, lắp máy và điện	-	2.451.577.065	-	2.451.577.065
6	Công ty CP Du lịch và Thương mại - Vinacomin	-	598.400.000	-	598.400.000
7	Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin	-	1.868.499.967	-	1.868.499.967
II	CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN	-	-	-	-
	CỘNG	203.710.314.656	5.628.527.032	25.928.013.425	235.266.855.113

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Hiền

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trịnh Quốc Sơn

Đăk Nông, ngày 30 tháng 03 năm 2015



Nguyễn Phú Dương

